

Số: /QĐ-SYT Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám chữa bệnh
tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Y tế tỉnh Bắc Giang;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y, Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung **135** kỹ thuật trong khám, chữa bệnh được thực hiện tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm xây dựng quy trình chuyên môn cho các kỹ thuật đã được phê duyệt trước khi triển khai thực hiện.

Điều 3. Trưởng các phòng chuyên môn của Sở Y tế, Giám đốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Sở;
- Bộ phận Một cửa SYT (1);
- Lưu: VT, NVY (3).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Thế Bùng

**DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM, CHỮA BỆNH ĐƯỢC PHÉP
THỰC HIỆN TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH BẮC GIANG**

TT	STT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3	4			
			A	B	C	D
CHƯƠNG III. NHI KHOA						
		V. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP				
		B. TAI - MŨI - HỌNG				
1	1022.	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản	x	x		
		VIII. BÔNG				
		A. CÁC KỸ THUẬT TRONG CẤP CỨU, ĐIỀU TRỊ BỆNH NHÂN BÔNG				
2	1499.	Ghép da đồng loại (da của người cho da, da tử thi)	x	x		
3	1513.	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bông sâu do dòng điện	x	x	x	
		IX. MẮT				
4	1533.	Tháo dầu Silicon nội nhãn	x	x		
5	1622.	Phẫu thuật hẹp khe mi	x	x		
		X. RĂNG HÀM MẶT				
		A. RĂNG				
6	1828.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép xương đồng khô	x	x		
7	1829.	Phẫu thuật tái tạo xương ổ răng bằng ghép vật liệu thay thế xương	x	x		
8	1832.	Phẫu thuật che phủ chân răng bằng đặt màng sinh học	x	x		
9	1857.	Tẩy trắng răng nội tuỷ	x	x		
10	1898.	Máng nâng khớp cắn	x	x		
11	1899.	Gắn band	x	x		
12	1924.	Điều trị nhạy cảm ngà bằng máng với thuốc chống ê buốt	x	x	x	
		XI. TAI MŨI HỌNG				
		A. TAI				
13	2104.	Vá nhĩ đơn thuần	x	x		
14	2116.	Thông vòi nhĩ	x	x	x	
15	2122.	Đặt ống thông khí tại giữa	x	x		
16	2123.	Phẫu thuật đặt ống thông khí	x	x		
		B. MŨI XOANG				
17	2129.	Thắt động mạch bướm-khẩu cái	x	x		
18	2137.	Phẫu thuật xoang trán	x	x		
19	2138.	Thắt động mạch sàng	x	x		
20	2140.	Khoan thăm dò xoang trán	x	x		

TT	STT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		C. HỌNG – THANH QUẢN				
21	2174.	Phẫu thuật cắt phanh môi, má, lưỡi	x	x	x	
22	2185.	Bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản	x	x	x	
23	2188.	Đặt nội khí quản khó: Co thắt khí quản, đe dọa ngạt thở	x	x	x	
24	2189.	Sơ cứu bông kỳ đầu đường hô hấp	x	x	x	
		D. CỔ - MẶT				
25	2216.	Phẫu thuật tuyến dưới hàm	x	x		
26	2232.	Phẫu thuật cắt bỏ nang và rò khe mang II	x	x		
27	2237.	Phẫu thuật tạo hình điều trị khe hở vòm miệng	x	x		
28	2243.	Phẫu thuật sinh thiết hạch cổ	x	x	x	
29	2244.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe góc trong ổ mắt	x	x	x	
		XIII. NỘI KHOA				
		A. THẦN KINH				
30	2265.	Phong bế ngoài màng cứng	x	x		
		XIV. LAO (ngoại lao)				
31	2408.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai	x	x		
32	2409.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu	x	x		
33	2410.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay	x	x		
34	2411.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	x	x		
35	2412.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	x	x		
36	2413.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn-ngón tay	x	x		
37	2414.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu	x	x		
38	2415.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu	x	x		
39	2417.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối	x	x		
40	2418.	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân	x	x		
41	2419.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi	x	x		
42	2420.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	x	x		
43	2421.	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân	x	x		
44	2422.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thắt lưng do lao	x	x		
45	2423.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hố chậu do lao	x	x		
46	2427.	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách	x	x		
47	2428.	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn	x	x		
48	2429.	Phẫu thuật thăm dò lao tinh hoàn /bìu	x	x		
49	2434.	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ	x	x		
50	2435.	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao thành ngực	x	x		
51	2436.	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu các khớp ngoại biên	x	x		
52	2437.	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	x	x	x	

TT	STT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
53	2438.	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	x	x	x	
54	2439.	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	x	x	x	
		XV. UNG BƯỚU- NHI				
		Đ. TAI – MŨI – HỌNG				
55	2580.	Rút ống nong thanh khí quản - cắt tổ chức sùi thanh khí quản	x	x		
56	2587.	Cắt u amidan qua đường miệng	x	x		
57	2592.	Cắt u nhái sàn miệng	x	x		
58	2604.	Cắt u lành tính dây thanh	x	x		
59	2605.	Cắt u lành tính thanh quản	x	x		
60	2609.	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	x	x		
61	2611.	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	x	x		
62	2612.	Súc rửa vòm họng trong điều trị xạ trị	x	x		
		E. LỒNG NGỰC – TIM MẠCH – PHỔI				
63	2632.	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x		
64	2640.	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10cm	x	x		
65	2641.	Phẫu thuật bóc u thành ngực	x	x		
66	2642.	Cắt một phần cơ hoành	x	x		
67	2643.	Cắt u xương sườn 1 xương	x	x		
68	2644.	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính dưới 5 cm	x	x		
		XVI. NỘI TIẾT				
		A. NGOẠI KHOA				
		1. Phẫu thuật mổ các tuyến nội tiết				
69	2835.	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	x	x		
70	2836.	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	x	x		
71	2837.	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong K giáp	x	x		
72	2847.	Dẫn lưu áp xe tuyến	x	x		
73	2857.	Cắt bỏ tinh hoàn ung thư lạc chỗ có hoặc không vết hạch ổ bụng	x	x		
74	2859.	Cắt bỏ tinh hoàn	x	x		
		2. Phẫu thuật bằng dao cắt siêu âm (DCSA) các tuyến nội tiết				
75	2889.	Cắt bỏ tinh hoàn bằng DCSA	x	x		
		XVII. TẠO HÌNH THẨM MỸ				
		B. PHẪU THUẬT THẨM MỸ				
		2. Mặt				
76	2909.	Phẫu thuật chỉnh hình sửa gò má - cung tiếp	x	x		
		3. Mắt				
77	2922.	Phẫu thuật tạo hình mắt 1 mí thành 2 mí	x	x		
		9. Các kỹ thuật chung				
78	2951.	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng ghép da tự do	x	x		
79	2953.	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vật tại chỗ	x	x		

TT	STT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
80	2966.	Phẫu thuật cắt bỏ nốt ruồi đơn giản	x	x	x	
81	2967.	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu ngắn dưới 5cm: Cắt khâu đơn giản	x	x	x	
82	2968.	Phẫu thuật cắt bỏ sẹo xấu dài trên 5cm: Cắt khâu đơn giản	x	x	x	
		C. CÁC PHẪU THUẬT TẠO HÌNH VÀ THẨM MỸ ĐIỀU TRỊ DI CHỨNG BỎNG				
83	2985.	Chuyển vật da tại chỗ đơn giản điều trị sẹo bỏng	x	x		
		XIX. NGOẠI KHOA				
		B. TIM MẠCH – LÒNG NGỰC				
		1. Tim				
84	3134.	Cắt màng ngoài tim trong viêm màng ngoài tim có mũ	x	x		
85	3137.	Dẫn lưu màng tim qua đường Marfan	x	x		
		4. Ngực - phổi				
86	3234.	Mở lồng ngực thăm dò	x	x		
87	3243.	Bóc vỏ màng phổi điều trị ổ cận màng phổi	x	x		
88	3245.	Mở màng phổi tối đa	x	x		
89	3249.	Cắt phổi không điển hình (Wedge resection)	x	x		
90	3254.	Cắt dây thần kinh giao cảm ngực	x	x		
91	3255.	Cắt một xương sườn trong viêm xương	x	x		
92	3259.	Khâu lại vết phẫu thuật lồng ngực bị nhiễm khuẩn	x	x		
		C. TIÊU HÓA – BỤNG				
		2. Dạ dày				
93	3296.	Mở cơ môn vị (điều trị hẹp phì đại môn vị)	x	x		
		5. Bẹn - Bụng				
94	3394.	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đá chấu	x	x		
		D. GAN- MẬT – LÁCH – TỤY				
		3. Lách - Tụy				
95	3459.	Phẫu thuật vỡ tụy bằng chèn gạc cầm máu	x	x		
96	3460.	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	x	x		
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		1. Thận				
97	3489.	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	x	x	x	
		2. Niệu quản				
98	3498.	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/ 2 bên	x	x		
99	3501.	Nối niệu quản - niệu quản trong thận niệu quản đôi còn chức năng	x	x		
		3. Bàng quang				
100	3525.	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất	x	x		
101	3526.	Thay ống thông dẫn lưu thận, bàng quang	x	x		

TT	STT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		5. Sinh dục				
102	3579.	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	x	x		
103	3588.	Tạo vật da chữ Z trong tạo hình dương vật	x	x		
		E. CHÂN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
		3. Cánh, cẳng tay				
104	3668.	Cắt đoạn khớp khuỷu	x	x		
		4. Bàn, ngón tay				
105	3693.	Thay khớp liên đốt các ngón tay	x			
106	3698.	Phẫu thuật chuyển gân điều trị cò ngón tay do liệt vận động	x	x		
		5. Hông - Đùi				
107	3735.	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	x	x		
108	3742.	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	x	x		
		7. Cẳng chân				
109	3771.	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương	x	x		
		9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				
110	3799.	Ghép da dị loại độc lập	x	x		
		10. Nắn - Bó bột				
111	3829.	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	x	x		
		G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
112	3915.	Cắt rò phần mềm	x	x		
113	3916.	Cắt u nang bao hoạt dịch	x	x		
114	3920.	Phẫu thuật lấy dị vật phần mềm	x	x		
115	3921.	Phẫu thuật sinh thiết tổ chức phần mềm bề mặt	x	x		
116	3922.	Phẫu thuật sinh thiết nội quan (ngực, bụng)	x	x		
117	3923.	Phẫu thuật lại cầm máu do chảy máu sau mổ	x	x		
		XX. PHẪU THUẬT NỘI SOI				
		A. SỌ NÃO – ĐẦU – MẶT – CỔ				
118	3945.	Phẫu thuật nội soi cắt u phần mềm	x			
		B. TAI – MŨI – HỌNG				
119	3962.	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ đơn thuần	x	x		
120	3963.	Phẫu thuật nội soi nạo V.A - đặt ống thông khí	x	x		
121	3964.	Phẫu thuật nội soi vá nhĩ	x	x		
		C. LỒNG NGỰC – PHỔI – TIM MẠCH				
122	3967.	Phẫu thuật nội soi cắt hạch giao cảm	x			
123	3987.	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh giao cảm ngực một bên	x	x		
		D. BỤNG – TIÊU HÓA				
124	4010.	Phẫu thuật nội soi điều trị hẹp phì đại môn vị	x	x		
125	4015.	Phẫu thuật nội soi thăm dò ổ bụng ± sinh thiết	x	x		
126	4021.	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x			

TT	STT THEO TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
127	4026.	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	x	x		
128	4064.	Phẫu thuật nội soi sa trực tràng	x	x		
129	4065.	Phẫu thuật nội soi khâu treo trực tràng điều trị sa trực tràng	x	x		
130	4069.	Phẫu thuật nội soi cắt dây dính trong ổ bụng	x	x		
131	4070.	Phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn	x	x		
		Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
		2. Niệu quản				
132	4107.	Nội soi tháo sonde JJ	x	x		
		XXV. MẮT				
133	4215	Đo khúc xạ khách quan	x			
		XXIX. ĐIỆN QUANG				
134	4248	Siêu âm tim Doppler	x	x		
135	4249	Siêu âm tim Doppler tại giường	x	x		

Tổng: 135 kỹ thuật./.